TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài.

2. Bà Phạm Thị Như Súy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Công Đ (Phạm Văn Đ), sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy Ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 12/10/2009. Quá trình chung sống vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau nên sau khi làm đơn ly hôn chị và anh Đ

sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị đã từng nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải cho đoàn tụ, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 04/11/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn - anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nay chị B cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 04/11/2011. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị B được ly hôn với anh Đ, về con chung: Giao cháu Ngô Công T cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Đ thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của chị B và anh Đ tại thôn Châu Sơn 2, A, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị B yêu cầu ly hôn với anh Đ và yêu cầu Đ quyền trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy Ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 12/10/2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị B và anh Đ chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau nên sau khi làm đơn ly hôn, chị B và anh Đ sống ly thân; hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tại phiên tòa, anh Đ thống nhất ly hôn. Xét thấy, trước đây chị B đã từng nộp đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải đoàn tụ theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 82/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, nhưng sau khi quay về chung sống, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được và tại phiên tòa chị B vẫn cương quyết ly hôn, anh Đ thống nhất ly hôn. Như vậy, có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 04/11/2011. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B, anh Đ đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con của các bên đương sự thì thấy: Tại biên bản xác minh lập ngày 21/3/2019, đại diện Ủy Ban nhân nhân dân A xác nhận không rõ anh Đ làm nghề gì, thu nhập bao nhiêu/tháng và anh Đ cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mức thu nhập hằng tháng của mình. Trong khi đó, chị B cung cấp cho Tòa án Bảng thanh toán tiền lương của Công ty TNHH MTV May H, thể hiện mức lương trung bình hằng tháng của chị hơn 5.500.000 đồng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019, cháu T không xác định được sẽ ở với chị B hay anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù cháu T hiện nay đã trên bảy tuổi nhưng vẫn cần rất nhiều sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu, cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Công Đ (Phạm Văn Đ).

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Công T, sinh ngày 04/11/2011 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Nguyễn Thị B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006965 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2019), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có ly do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND A, huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Văn Thể